

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng
xã Ninh Thân năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 2048/KH-UBND ngày 24/5/2022 của UBND thị xã Ninh Hòa về việc phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng thị xã Ninh Hòa năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND xã Ninh Thân về việc ban hành kế hoạch chuyển đổi số xã Ninh Thân giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030,

Ủy ban nhân dân xã Ninh Thân ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng xã Ninh Thân năm 2022, với những nội dung cụ thể sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện để tạo cơ sở cho việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn.

b) Triển khai các hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung được chia sẻ, kết nối và tổ chức sử dụng có hiệu quả.

c) 100% các hệ thống thông tin (HTTT), CSDL phục vụ cho việc quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của các cơ quan thực hiện nâng cấp, mở rộng và phát triển mới bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

d) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 100% hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ công việc tại xã đều được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

đ) Các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

e) Cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT của UBND xã được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn; 70% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số, công tác đảm bảo an toàn thông tin (ATTT).

g) Đầu tư, nâng cấp và mua sắm các trang thiết bị CNTT nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Trang thông tin điện tử (TTĐT) của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Trang TTĐT xã đáp ứng các tiêu chí đánh giá mức độ hiện diện (tính minh bạch) tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện.

b) 100% các dịch vụ công trực tuyến của xã được công bố đủ điều kiện thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình; Tổ chức thực hiện việc xác thực điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

c) 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4, trong đó 80% TTHC mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

d) 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các HTTT chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử trên các HTTT của tỉnh.

đ) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của xã đạt từ 40% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin (ATTT) mạng, tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất ATTT mạng đối với các HTTT của xã.

b) Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác giám sát, ứng cứu sự cố ATTT mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan điều phối quốc gia (VNCERT/CC).

c) HTTT của xã được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ; 100% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ, phòng, chống mã độc.

d) Nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác ATTT cho cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT ở xã; tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm ATTT cho người đứng đầu, cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan.

đ) 100% trường tiểu học, trung học cơ sở được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT

a) Tăng cường năng lực của hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu triển khai xây dựng Chính quyền số theo lộ trình.

b) UBND xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

II. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Quán triệt, cụ thể hóa, triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về triển khai ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số.

b) Thúc đẩy chuyển đổi số, từng bước phát triển Chính quyền số của xã.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định, quy chế khai thác, sử dụng các HTTT, CSDL dữ liệu, ứng dụng CNTT đã được UBND xã ban hành, bảo đảm phù hợp các nội dung quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

d) Chủ động liên kết, thu hút các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước; ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước và thuê dịch vụ CNTT theo quy định.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh, tuân thủ nguyên tắc ATTT mạng; tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức, doanh nghiệp.

b) Thực hiện đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động chuyên môn của UBND xã nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại địa phương theo lộ trình; phấn đấu đạt chỉ tiêu đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã ban hành tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT.

c) Văn phòng –thống kê xã phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm duy trì kết nối thông suốt, ổn định.

d) Thực hiện phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn xã, bắt đầu từ cơ quan nhà nước, trường học, trạm y tế, các ngành trọng điểm đến các lĩnh vực khác.

đ) Khai thác, sử dụng hiệu quả ứng dụng chữ ký số đã được tích hợp trong các phần mềm dùng chung của tỉnh.

3. Phối hợp phát triển các nền tảng, hệ thống

Chủ động phối hợp với Phòng Văn hóa và thông tin và các ngành liên quan triển khai các nền tảng dùng chung do Chính phủ, của tỉnh quy định.

4. Triển khai phát triển dữ liệu

a) Thực hiện triển khai số hóa, tạo lập dữ liệu kết quả giải quyết TTHC vào Kho quản lý dữ liệu kết quả giải quyết TTHC điện tử (đối với các kết quả giải quyết TTHC mới hình thành) và trên các phân hệ thành phần thuộc Bộ phần mềm quản lý

CSDL kết quả giải quyết TTHC (đối với các kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực cần số hóa) sau khi được đào tạo, tập huấn sử dụng các chức năng phần mềm.

b) Thực hiện triển khai tạo lập và nộp hồ sơ lưu trữ điện tử từ năm 2022 trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành ngay sau khi được cập nhật bản nâng cấp.

5. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ

Việc triển khai, thực hiện các ứng dụng, dịch vụ do tỉnh xây dựng phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

5.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh, các phần mềm chuyên ngành ứng dụng GIS đã được đầu tư; tổ chức cung cấp, chuẩn hóa, cập nhật CSDL GIS nền và CSDL chuyên ngành theo quy định của UBND tỉnh, bảo đảm dữ liệu phải được cập nhật thường xuyên, liên tục phục vụ kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu cho Cổng Thông tin điện tử GIS Khánh Hòa và các phần mềm khác thuộc Hệ thống GIS Khánh Hòa.

b) Triển khai thực hiện gửi, nhận đầy đủ các biểu mẫu báo cáo theo quy định trên Hệ thống báo cáo của tỉnh.

c) Khai thác hệ thống trực tuyến của xã và tổ chức sử dụng có hiệu quả nhằm phục vụ công tác chuyên môn, công tác phòng chống dịch.

d) Thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn xã theo mô hình ISO điện tử.

đ) Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

e) Thực hiện đề xuất, triển khai việc chuyển đổi số ngành giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; tập trung nguồn lực triển khai các dự án, nhiệm vụ năm 2022.

d) Triển khai các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực khác.

k) Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) và các hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương, ngành dọc triển khai tại địa phương; không sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng trong hoạt động công vụ.

5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Xây dựng chuyên trang, chuyên mục Chuyển đổi số xã Ninh Thân trên Trang TTĐT của xã. Rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các Trang TTĐT xã; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp chức năng, trang bị giải pháp ATTT cho trang TTĐT, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Tập trung đầu tư hạ tầng CNTT phục vụ số hóa, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo lộ trình của xã tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC giai đoạn 2021 - 2025.

c) Rà soát, cập nhật danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, thanh toán trực tuyến, áp dụng dịch vụ bưu chính công ích. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

d) Phối hợp triển khai, thực hiện Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết TTHC cho toàn xã và hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân và các tiện ích khác.

đ) Tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm ATTT mạng trong hoạt động của cơ quan.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

c) Nâng cao năng lực bảo đảm ATTT, phòng chống mã độc; cập nhật bản quyền các phần mềm thương mại quét lỗ hổng bảo mật ứng dụng web, sao lưu dữ liệu; các vấn đề khác có liên quan.

d) Thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra ATTT các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

đ) Nâng cao năng lực, ý thức về công tác đảm bảo an toàn thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng cho Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

e) Cử cán bộ, công chức chuyên trách, phụ trách ATTT tại cơ quan tham gia đào tạo nâng cao kiến thức, nghiệp vụ.

g) Phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng bảo đảm ATTT trong hoạt động công vụ cho các cán bộ, công chức, người lao động. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ thông tin, dữ liệu trên môi trường số, tuân thủ các quy tắc về sử dụng dịch vụ số.

h) Trang TTĐT đẩy mạnh tuyên truyền về hoạt động bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, từng bước nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng. Tổ chức theo dõi, xử lý thông tin sai sự thật, thông tin xấu độc trên không gian mạng phối hợp với các cơ quan, đơn vị theo dõi, kịp thời ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm hại đến trẻ em, quyền trẻ em trên môi trường mạng trên địa bàn xã.

i) Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của hệ thống ATTT mạng; kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu, cảnh báo sự cố ATTT mạng với Trung tâm giám sát an toàn thông tin của tỉnh và Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (nếu có); có kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức và sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất ATTT mạng.

k) Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực ATTT. Bảo đảm an toàn, an ninh HTTT của xã.

7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Cử lãnh đạo, cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tập huấn về chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số cho các thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của xã và cho các đối tượng khác có liên quan.

b) Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử cán bộ, công chức tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT phù hợp với vị trí việc làm.

c) Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số.

III. GIẢI PHÁP

1. Về môi trường chính sách

a) Kịp thời triển khai cơ chế, chính sách của Chính phủ, tỉnh về ưu tiên đầu tư, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả tại cơ quan; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá và kịp thời cập nhật, hoàn thiện hệ thống pháp lý về triển khai, phát triển Chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số của xã.

c) Phát huy hiệu quả hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với cơ quan nhà nước; tổ chức rà soát, đánh giá những điểm còn hạn chế và đề xuất giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng chuyển đổi số của xã.

d) Rà soát và cập nhật, bổ sung các nội dung về phát triển Chuyển đổi số, thực hiện chuyển đổi số vào các văn bản chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

a) Xây dựng và triển khai các nội dung để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số, việc chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính (CCHC); phối hợp xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, triển khai HTTT đã được đầu tư để đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

b) Thực hiện chuẩn hóa quy trình TTHC; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác CCHC của cơ quan.

c) Đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng CNTT làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai nhân rộng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác qua môi trường số với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân; khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền.

b) Nâng cao nhận thức, khả năng tương tác các tiện ích, ứng dụng cung cấp thông tin và hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trên Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến, Trang TTĐT xã.

c) Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, lợi ích và cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube và các nền tảng khác.

d) Nâng cao chất lượng nội dung, thời lượng phát sóng các chương trình truyền thông về Chính quyền số, chuyên mục An toàn thông tin trên hệ thống Đài Truyền thanh xã, Trang Thông tin điện tử xã; tổ chức các sự kiện về chuyển đổi số hàng năm.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong các hoạt động: Tiếp nhận/trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; thanh toán trực tuyến và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công.

b) Ưu tiên mua sắm, thuê dịch vụ các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh theo quy định cho các HTTT phục vụ Chính quyền số, chuyển đổi số của xã.

c) Chủ động liên kết, đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, trường, ể đào tạo nguồn nhân lực, tư vấn lập và triển khai các đề án/kế hoạch chuyển đổi số của xã, ngành lĩnh vực.

d) Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến chuyển đổi số thuộc các lĩnh vực, ngành ưu tiên.

đ) Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã.

5. Triển khai ứng dụng hiệu quả các công nghệ số

Đánh giá hiệu quả để có cơ sở đề xuất lộ trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật phù hợp, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo từng giai đoạn phát triển của xã.

6. Thu hút nguồn lực CNTT

- a) Tạo điều kiện, thu hút các doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của địa phương.
- b) Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, thị xã qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc; các chương trình mục tiêu quốc gia...
- c) Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách địa phương được phân bổ hàng năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Ninh Thân

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo UBND xã kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Văn phòng –thống kê chuyên trách công nghệ thông tin của xã

- a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND xã, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Ninh Thân tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Nghiên cứu, đề xuất ý kiến về nội dung chuyên môn đối với các kế hoạch, đề án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.
- b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, bộ phận liên quan triển khai thực hiện các phần mềm dùng chung và các dịch vụ Internet cơ bản đang được triển khai.
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng của HTTT xã trong quá trình thực hiện các nội dung của Kế hoạch.
- d) Tham mưu Đầu tư, nâng cấp và mua sắm các trang thiết bị CNTT nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của HTTT cơ quan đang quản lý.
- đ) Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của xã.
- e) Hướng dẫn Đài truyền thanh các xã, Trang TTĐT tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số trong xã hội.
- g) Hướng dẫn, phối hợp với các ngành, bộ phận triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Mục II Kế hoạch này.
- h) Tổ chức công tác kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, bộ phận trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND xã xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

3. Tài chính – Kế toán

Trên cơ sở dự toán của ngành, bộ phận liên quan để triển khai các nhiệm vụ, Tài chính – Kế toán tổng hợp, cân đối kinh phí để tham mưu trình cấp có thẩm quyền

bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đối với nhiệm vụ do ngân sách bảo đảm theo đúng quy định.

4. Các ngành, bộ phận chuyên môn của xã

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Kế hoạch này, các ngành, bộ phận chuyên môn tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm góp phần đạt các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ CNTT (công tác lập, thẩm định, phê duyệt đề án/dự án/nhiệm vụ, lựa chọn nhà thầu, triển khai và nghiệm thu hợp đồng,...) bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

c) Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thị xã Ninh Hòa theo hướng dẫn.

5. Văn hóa – xã hội, Đài truyền thanh và Trang Thông tin điện tử xã

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT và truyền thông tại địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các ngành, bộ phận có liên quan báo cáo về UBND xã (*thông qua công chức Văn phòng-thống kê chuyên trách công nghệ thông tin*) để xem xét, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND thị xã (báo cáo);
- Phòng Văn hóa và thông tin thị xã (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Đảng ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các đoàn thể xã;
- CB, CC, NHĐKCT xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TU.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Ngọc Viên